

Bản án số: 162/2018/HC-PT
Ngày 22-5-2018
V/v “Khiếu kiện quyết định hành
chính về giải quyết khiếu nại
về việc xóa bộ thuế”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương;

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên;

Ông Trần Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2018/TLPT-HC ngày 14 tháng 3 năm 2018.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 1526/2017/HC-ST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 573/2018/QĐPT-HC ngày 02 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Số 9/2 Đường số 30, khu phố 5, phường BTT, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 63 Vũ Tông Ph, phường AP, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông Huỳnh Văn Th, Chuyên viên Phòng Kiểm tra nội bộ, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông Phùng Toàn Th1, Chuyên viên Phòng Pháp chế, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1398 ĐVC, phường TML, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hồ Văn B, Phó Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2, theo Giấy ủy quyền số 4672/VAHC-KTNB ngày 08/9/2016 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2 (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Trang Kim Y-Kiểm tra Viên, Đội Kiểm tra nội bộ, Chi Cục thuế quận 2 (có mặt).

Địa chỉ: 143T TVĐ, phường 11, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi Cục thuế quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 1398 ĐVC, phường TML, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Chi Cục thuế quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Hồ Văn B, Phó Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2, theo Giấy ủy quyền số 900/VAHC-KTNB ngày 07/3/2017 của Chi Cục thuế quận 2 (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi Cục thuế quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Bùi Trang Kim Y - Kiểm tra Viên, Đội Kiểm tra nội bộ, Chi Cục thuế quận 2 (vắng mặt).

2. Ủy ban nhân dân phường BTT, quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 22 NT, khu phố 5, phường BTT, quận 2.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường BTT, quận 2:

- Ông Nghiêm Duy B1, Công chức địa chính - Xây dựng phường BTT, quận 2 (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Thanh H1, Công chức Tư pháp - Hộ tịch phường BTT, quận 2 (có mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-UBND ngày 24/02/2017 của Ủy ban nhân dân phường BTT, quận 2).

Người kháng cáo: Người khởi kiện, bà Nguyễn Kim H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện, bà Nguyễn Kim H trình bày: Diện tích 1.648m² có nguồn gốc do bà Bùi Thị L (là bà ngoại của bà H) sử dụng từ trước giải phóng, để lại cho mẹ bà sử dụng, sau đó bà trực tiếp sử dụng từ năm 1976. Bà trồng cây lâu năm, hoa màu và sử dụng ổn định, không có tranh chấp; đã đăng ký kê khai sử dụng đất theo tài liệu 299/TTg và có nộp thuế nông nghiệp từ năm 1997 đến năm 2004. Năm 1998, bà H nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (giấy CNQSDĐ) nhưng không được chấp nhận. Năm 2000, UBND phường BTT cưỡng chế thu hồi đất nhưng không bồi thường, chỉ hỗ trợ cho bà 4.196.555

đồng. Căn cứ Văn bản số 174/UBND ngày 30/12/2010 của UBND phường BTT về việc ngưng bộ thuế nhà đất, Chi Cục thuế quận 2 xóa sổ bộ thuế của bà. Việc Chi Cục thuế quận 2 xóa sổ bộ thuế của bà là trái pháp luật nên bà đã khiếu nại và Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2 đã giải quyết tại Quyết định số 1876/QĐ-GQKN ngày 30/11/2011 (Quyết định số 1876/QĐ-GQKN). Bà tiếp tục khiếu nại và ngày 22/02/2012, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 25/QĐ-CT (Quyết định số 25/QĐ-CT) không chấp nhận khiếu nại của bà. Bà H cho rằng UBND phường BTT cưỡng chế thu hồi đất để cho 13 hộ dân thuê kinh doanh là sai, các Quyết định số 1876/QĐ-GQKN và Quyết định số 25/QĐ-CT là trái pháp luật. Vì vậy, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1876/QĐ-GQKN, Quyết định số 25/QĐ-CT và trả lại cho bà số tiền mà UBND phường đã cho những người khác thuê đất của bà từ năm 2010 đến năm 2016.

Người bị kiện trình bày:

- Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh không có văn bản nêu ý kiến. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

- Chi cục trưởng Chi Cục thuế quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh không có văn bản nêu ý kiến. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2 trình bày: Quyết định số 1876/QĐ-GQKN là đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại. Việc lên bộ thuế lô đất của bà H được căn cứ vào tờ khai thuế của cá nhân người nộp thuế và quy định tại điểm c Khoản 2 Mục 1 Phần III Thông tư số 83/TT-TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính Phủ là người sử dụng đất phải có nghĩa vụ nộp thuế, việc này không phải là căn cứ xác định tính hợp pháp về quyền sử dụng đất của bà H. Việc xóa bộ thuế nhà đất dựa trên kiến nghị của UBND phường BTT và hiện trạng sử dụng đất, thể hiện tại các văn bản sau: Công văn số 174/UBND ngày 30/12/2010 của UBND phường BTT về việc đề nghị ngưng lên bộ thuế nhà đất (Kèm theo Biên bản họp Hội đồng tư vấn thuế phường BTT số 18/BB-UBND và danh sách 119 trường hợp đề nghị ngưng lên bộ thuế nhà đất, trong đó có trường hợp của bà Nguyễn Kim H); Biên bản số 87/UBND ngày 06/6/2011 của UBND phường BTT về việc ngưng bộ thuế đất đối với bà H và Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 10/02/2006 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của bà H. Như vậy, do bà H không còn sử dụng đất để canh tác, diện tích đất này đã được giải tỏa và UBND phường BTT trực tiếp quản lý nên Chi cục Thuế quận 2 xóa bộ thuế nhà đất đối với bà H vào năm 2010 là có căn cứ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chi Cục thuế quận 2: Không có văn bản nêu ý kiến. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chi Cục thuế quận 2 trình bày: Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

UBND phường BTT, quận 2 trình bày: Diện tích 1.600m² thuộc một phần thửa 193 tờ bản đồ số 3, xã BT có nguồn gốc thuộc do Hội KHAH mua và đứng

bộ từ năm 1960, sử dụng vào mục đích làm nghĩa trang. Năm 1984, UBND huyện TĐ có chủ trương quy hoạch lại các nghĩa trang trên địa bàn huyện. Do đó, Nghĩa trang KHAH đã ngưng việc chôn cất. Ngày 15/11/1989, Sở Công trình Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 368/CT-4 về việc chấp thuận cho phép giải tỏa, bốc mộ Nghĩa trang KHAH. Sau khi giải tỏa thì khu đất nghĩa trang do UBND xã BT quản lý. Trong thời gian Nhà nước chưa có kế hoạch sử dụng, phần đất trên được để trống, nên có 07 hộ dân sử dụng để trồng hoa màu, trong đó có bà H sử dụng khoảng 1.600m². Năm 1996 và năm 1998, bà H gửi đơn xin cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 1600m² nhưng không được chấp nhận do đất này có nguồn gốc thuộc Nhà nước quản lý. Sau đó, bà H khiếu nại, ngày 30/09/2005, Chủ tịch UBND quận 2 ban hành Quyết định số 4816/QĐ-UBND-TNMT có nội dung không chấp nhận khiếu nại, do là đất công thuộc sự quản lý của nhà nước, giao UBND phường BTT giải quyết đền bù hoa màu cho bà H. Ngày 10/02/2006, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 545/QĐ-UBND có nội dung: Công nhận Quyết định số 4816/QĐ-UBND-TNMT ngày 30/9/2005 của Chủ tịch UBND quận 2 là đúng pháp luật.

Hiện nay, bà H không sử dụng diện tích 1.600m² nói trên. UBND phường BTT, kết hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên - Môi trường và Đội Quản lý Trật tự Đô thị quận 2 và các ngành có liên quan thống nhất đền bù hoa màu cho bà H 6.952.000 đồng theo bảng chiết tính ngày 17/10/2006. Sau đó, UBND phường đã tiến hành chi trả nhưng bà H không đồng ý nên UBND phường đã lập sổ tiết kiệm có kỳ hạn, gửi số tiền trên tại Ngân hàng ĐSG - BP và đã thông báo cho bà H biết.

Tại Bản án số 1526/2017/HC-ST ngày 21/11/2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Áp dụng Khoản 1 Điều 30, Khoản 3 Điều 32, Điều 158, 164, Điểm a Khoản 2 Điều 193, Điều 204, Khoản 1 Điều 206 và Điều 213 của Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 1 Điều 7, Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Khoản 2 Điều 34 Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án năm 2009,

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H về việc yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 1876/QĐ-GQKN ngày 30/11/2011 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2, Quyết định giải quyết khiếu nại số 25/QĐ-CT ngày 22/02/2012 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu trả lại số tiền phát sinh hoa lợi trên đất từ năm 2010 đến năm 2016 do Quyết định hành chính gây ra.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 06/4/2018, bà Nguyễn Kim H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà H trình bày đã sử dụng 1.600m² từ năm 1976, có đăng ký đất đai nhưng toàn bộ giấy tờ liên quan đã nộp cho UBND phường BTT nên không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án. Năm 2000, UBND phường tổ chức cưỡng chế thu hồi phần đất trái pháp luật nhưng bà vẫn tiếp tục sử dụng đất đến năm 2010. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo và yêu cầu

UBND phường trả lại diện tích 1.600m², bồi thường 1 tỷ đồng là giá trị cây trồng trên đất, 4 xe gỗ và vật kiến trúc khác trên đất theo biên bản kiểm kê của UBND phường BTT lập.

Đại diện theo ủy quyền của UBND phường BTT trình bày: Diện tích 1.600m² thuộc một phần đất nghĩa trang đã được nhà nước thu hồi. Năm 2010, bà H không còn sử dụng đất nên UBND phường có văn bản đề nghị Chi cục Thuế quận 2 xóa bộ thuế đối với bà H.

Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Diện tích 1.600m² là thuộc đất nghĩa trang. Năm 2000, UBND huyện TĐ đã giải tỏa, phần đất này thuộc UBND xã BT quản lý nhưng bà H vẫn sử dụng nên thuộc trường hợp phải kê khai nộp thuế theo quy định tại Thông tư số 83/TT-TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính Phủ, cụ thể: Người sử dụng đất phải nộp thuế kể cả trường hợp đất lấn chiếm. Năm 2010, bà H không còn sử dụng đất nên UBND phường BTT đã đề nghị xóa bộ thuế của bà H. Việc lập và xóa bộ thuế đối với bà H là đúng pháp luật. Đối với số tiền bà H yêu cầu là không có căn cứ; các Quyết định số 1876/QĐ-GQKN và Quyết định số 25/QĐ-CT là đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của bà Nguyễn Kim H đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính nên vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1] *Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành Quyết định số 1876/QĐ-GQKN và Quyết định số 25/QĐ-CT:* Bà H khiếu nại hành vi hành chính xóa bộ thuế của Chi Cục thuế quận 2, Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2 ban hành Quyết định số 1876/QĐ-GQKN về việc giải quyết khiếu nại nêu trên. Không đồng ý, bà H tiếp tục khiếu nại, Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 25/QĐ-CT về việc giải quyết khiếu nại. Việc ban hành quyết định giải khiếu nại của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2 và Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh là đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 7, Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011.

[2] *Về nội dung:* Diện tích đất 1.600m² thuộc một phần thửa 193 tờ bản đồ số 3, xã BT có nguồn gốc thuộc do Hội KHAH mua và đứng bộ từ năm 1960, sử dụng vào mục đích làm nghĩa trang. Năm 1984, UBND huyện TĐ có chủ trương quy hoạch lại các nghĩa trang trên địa bàn huyện. Ngày 15/11/1989, Sở Công trình Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh có Công văn số 368/CT-4 về việc chấp thuận cho phép giải tỏa, bóc mộ Nghĩa trang KHAH. Sau khi giải tỏa, toàn bộ khu đất nghĩa trang trên do UBND xã BT quản lý nhưng hộ bà H tự ý sử dụng sử dụng khoảng 1.600m² để trồng hoa màu. Các năm 1996 và 1998. bà H có đơn xin cấp giấy CNQSDĐ đối với diện tích 1.600m² nêu trên nhưng không được chấp nhận vì là đất công do Nhà nước quản lý. Do bà H khiếu nại nên ngày

30/09/2005, Chủ tịch UBND quận 2 ban hành Quyết định số 4816/QĐ-UBND-TNMT, có nội dung không chấp nhận khiếu nại của bà H, đồng thời giao UBND phường BTT giải quyết đền bù hoa màu cho bà H. Bà H tiếp tục khiếu nại và ngày 10/02/2006, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 545/QĐ-UBND, có nội dung: Không chấp nhận khiếu nại của bà H, công nhận nội dung Quyết định số 4816/QĐ-UBND-TNMT ngày 30/9/2005 của Chủ tịch UBND quận 2 là đúng pháp luật.

[3] Điểm c mục 2 phần I Thông tư số 83/TT-TCT ngày 07/10/1994 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 94/CP ngày 25/8/1994 của Chính Phủ quy định: *“Trong trường hợp còn có sự tranh chấp hoặc chưa xác định được quyền sử dụng đất, kể cả trường hợp lấn chiếm trái phép (bao gồm cả phần diện tích đất lấn chiếm thêm ngoài khuôn viên của tổ chức, cá nhân quản lý cho thuê đã nộp thuế đất), thì tổ chức, cá nhân đang trực tiếp sử dụng đất phải nộp thuế đất. Việc nộp thuế đất trong trường hợp này không có nghĩa là thừa nhận tính hợp pháp về quyền sử dụng đất”*. Như vậy, thực tế bà H có sử dụng đất nên việc lập bộ thuế nhà đất của Chi cục Thuế quận 2 là phù hợp với quy định pháp luật nhưng đây không phải là căn cứ xác định tính hợp pháp đối với diện tích đất do bà H sử dụng.

[4] Tại Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 10/02/2006 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: *“Hiện trạng đất do bà H và ông V(em ruột) sử dụng chung để trồng khoai mì và một số cây ăn trái. Hiện nay, trừ cá nhân bà H, các trường hợp chiếm đất canh tác nêu trên đã trả đất và nhận hỗ trợ hoa màu xong (ông V – em của bà H cũng đồng ý trả đất và xin được hỗ trợ hoa màu). UBND phường đã tiến hành rào toàn bộ khu đất từ năm 2002. Toàn bộ khu đất đã được chính quyền địa phương tiến hành giải tỏa, bốc mộ và do Ủy ban nhân dân xã BT nay là UBND phường BTT, quận 2 trực tiếp quản lý là phù hợp với quy định pháp luật.”*. Như vậy, do bà H không còn sử dụng đất mà diện tích đất này đã được UBND phường BTT trực tiếp quản lý nên Chi cục Thuế quận 2 xóa bộ thuế nhà đất đối với bà H vào năm 2010 theo đề nghị của UBND phường BTT tại Công văn số 174/UBND ngày 30/12/2010 là đúng.

[5] Ngày 17/10/2006, UBND phường BTT kết hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Tài nguyên - Môi trường và Đội Quản lý Trật tự Đô thị quận 2 và các ngành có liên quan lập Bảng chiết tính giá trị đền bù hoa màu trên khu đất KHAH cho bà H 6.952.000 đồng. Sau đó, UBND phường BTT đã tổ chức chi trả nhưng bà H không đồng ý nên UBND Phường đã lập sổ tiết kiệm có kỳ hạn, gửi số tiền nêu trên tại Ngân hàng ĐSG - BP và có thông báo cho bà H biết là đúng quy định.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc hủy Quyết định số 1876/QĐ-GQKN, Quyết định số 25/QĐ-CT nêu trên và yêu cầu trả lại số tiền phát sinh do mất thu nhập hoa lợi trên đất từ năm 2010 đến năm 2016 do Quyết định hành chính gây ra là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H yêu cầu trả lại diện tích 1.600m² và bồi thường 1 tỷ đồng là vượt quá phạm vi kháng cáo và Tòa án cấp sơ thẩm cũng không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Vì vậy, kháng cáo của bà H không có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, giữ

nguyên bản án sơ thẩm. Bà H được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Khoản 1 Điều 30; khoản 3, Điều 32 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015; Khoản 1 Điều 7, Khoản 2 Điều 21 Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị quyết số 01/2015/NQ-HĐTP ngày 15/01/2015 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Kim H.
2. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 1526/2017/HC-ST ngày 21/11/2017 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim H về việc yêu cầu hủy: Quyết định giải quyết khiếu nại số 1876/QĐ-GQKN ngày 30/11/2011 của Chi Cục trưởng Chi Cục thuế quận 2; Quyết định giải quyết khiếu nại số 25/QĐ-CT ngày 22/02/2012 của Cục trưởng Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và yêu cầu trả lại số tiền phát sinh do bị mất thu nhập về hoa lợi trên đất từ năm 2010 đến năm 2016 do quyết định hành chính gây ra.
4. Án phí sơ thẩm, phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim H được miễn nộp và được trả lại 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 02516 ngày 02/3/2016 và 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0048652 ngày 15/01/2018 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 22 tháng 5 năm 2018./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đức Phương